

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HS-ST.

Ngày: 31/12/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung.

2. Bà Phạm Thị Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Thái Văn N, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1992, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân:

- Ngày 16/01/2012, bị Công an thị trấn Đ, huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 09/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2015/HS-ST, đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

- Ngày 02/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST, đã chấp hành xong và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 07/10/2024, bị bắt tạm giữ, tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. A P, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2005, tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tơ Drá; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A P1, sinh năm 1980 và bà Y Đ, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 07/10/2024, bị bắt tạm giữ, tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại.

1. Anh A H, sinh năm 1983.
2. Anh A B, sinh năm 1984.
3. Anh A R, sinh năm 1988.
4. Anh A D, sinh năm 1981.

Tất cả cùng trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964 (Có mặt).

Trú tại: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h00 ngày 17/7/2024, A P đến nhà Thái Văn N tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum chơi. Đến khoảng 22h00 cùng ngày, N nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên rủ A P đi tìm kiếm cây “Bời lời” ở rẫy của người dân cắt trộm thì A P đồng ý. Lúc này, N chuẩn bị 01 máy cưa xăng (cưa lóc) và 01 con dao, loại dao rựa rồi điều khiển xe máy kéo theo romooc của bà Nguyễn Thị K chở P đi theo đường vào nhà máy xử lý rác thải của huyện Đ tại thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum rồi theo đường bê tông đến rẫy cà phê của người dân thuộc thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Tại đây, N dùng xe máy kéo trên đường bê tông rồi mang cưa máy đi vào cưa hạ tổng cộng là 46 (Bốn mươi sáu) cây “Bời lời” trồng dọc theo ranh giới đất của nhà anh A H, anh A B, anh A R và anh A D. Trong đó, tại rẫy của anh A H là 15 cây với đường kính thân từ 08cm đến 15cm, tại rẫy của anh A B là 03 cây với đường kính thân từ 07cm đến 13cm, tại rẫy của anh A R là 14 cây với đường kính thân từ 05cm đến 18cm, tại rẫy của anh A D là 14 cây với đường kính thân từ 08cm đến 16cm. Sau khi cưa hạ, N cắt thân cây “Bời lời” thành nhiều đoạn ngắn sau đó A P dùng

dao chặt, róc các cành, nhánh nhỏ trên thân rồi vác các đoạn thân “Bò Lòi” ra xếp lên thùng romooc. Đến khoảng 04h30 ngày 18/7/2024, khi thùng romooc đã xếp đầy các đoạn thân “Bò lòi” và tránh để người dân phát hiện nên N và A P mang cửa máy, dao rựa để trên đồng “Bò lòi” trên thùng romooc rồi N điều khiển xe máy kéo kéo theo romooc chở số “Bò lòi” vừa trộm cắp theo đường bê tông ra hướng thôn D, xã Đ để ra đường H (Q) tìm nơi tiêu thụ. Khi xe máy kéo chở cây “Bò lòi” trộm cắp do N điều khiển đi đến đoạn thôn D, xã Đ thì người dân thấy khả nghi nên đã báo cho Công an xã Đ. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, Công an xã Đ tổ chức lực lượng, phối hợp với nhân dân thôn 4 chốt chặn, kiểm tra. Qua kiểm tra, Thái Văn N và A P thừa nhận số “Bò lòi” trên thùng romooc là do N và P cắt trộm tại khu vực thôn C, xã Đ. Công an xã Đ tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện liên quan gồm: 01 xe máy kéo có gắn romooc phía sau, trên thùng romooc có nhiều đoạn thân cây “Bò lòi” tươi nhiều kích thước, hình dạng khác nhau. Ngay sau đó, Công an xã Đ đã tiến hành việc cân xác định trọng lượng “Bò lòi” tươi trên thùng romooc với sự chứng kiến của Thái Văn N và A P. Kết quả cân trọng lượng số “Bò lòi” tươi trên thùng romooc là 2.520Kg (*Hai ngàn năm trăm hai mươi kilogam*).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 09/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: *Giá trị của 2.520kg (Hai ngàn năm trăm hai mươi kilogam) thân cây Bò lòi tươi đã cắt khúc thành nhiều hình dạng kích thước khác nhau, đường kính thân từ 08cm đến 18cm; thời điểm định giá tháng 7/2024; giá trị tài sản thành tiền là 2.268.000 đồng (Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng).*

Tại Bản Cáo trạng số 58/CT-VKSDH ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo Thái Văn N và A P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo Thái Văn N và A P đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Thái Văn N và A P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thái Văn N từ 09 đến 10 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A P từ 06 đến 07 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xử lý xong nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị hại A H, A B, A R và A D đã nhận lại được tài sản là số cây Bời lời bị چرا trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự nên không xem xét. Bị cáo Thái Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; miễn án phí cho bị cáo A P.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và hối hận về hành vi của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của các bị hại. Xét thấy, các bị hại vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 22h00 ngày 17/7/2024, bị cáo Thái Văn N rủ bị cáo A P đi tìm kiếm cây “Bời lời” ở rẫy của người dân để cắt trộm bán lấy tiền tiêu xài thì được A P đồng ý. Sau đó các bị cáo đã đi đến khu vực rẫy cà phê thuộc thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Tại đây, các bị cáo đã lén lút چرا hạ tổng cộng 46 cây “Bời lời”. Trong đó, چرا tại rẫy của anh A H 15 cây, tại rẫy của anh A B 03 cây, tại rẫy của anh A R 14 cây và tại rẫy của anh A D là 14 cây với tổng trọng lượng số gỗ cây Bời lời trộm cắp được là 2.520 kg (*Hai ngàn năm trăm hai mươi kilogam*) và có trị giá là 2.268.000 đồng (*Hai triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Hành vi nói trên của các bị cáo Thái Văn N và A P đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh

Kon Tum truy tố các bị cáo Thái Văn N và A P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Thái Văn N với vai trò là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A P tham gia với vai trò người thực hành. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo A P trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tuy nhiên, hiện nay bị cáo đang bị khởi tố và bắt tạm giam về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Thái Văn N là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị kết án về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*” ngoài ra hiện nay bị cáo đang bị khởi tố và bắt tạm giam về các tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn ngoài ra trong quá trình điều tra các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo A P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Đối với bị cáo A P mặc dù bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và là người bị rủ rê; tuy nhiên, hiện nay bị cáo đang bị khởi tố và bắt tạm giam về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe máy kéo hiệu ISEKI, màu xanh có gắn romooc phía sau là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị K (mẹ của bị cáo N) mua tại cửa hàng “Ngọc C” vào năm 2023 với giá 100.000.000 đồng để phục vụ việc vận chuyển nông sản của gia đình. Ngày 17/7/2024, bị cáo Thái Văn N tự ý lấy xe máy kéo đi mà không hỏi ý kiến của bà K. Việc bị cáo N sử dụng xe máy kéo làm phương tiện đi vận chuyển tài sản trộm cắp thì bà K không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy kéo nói trên cho bà Nguyễn Thị K là phù hợp nên không xem xét.

Đối với 2.520kg (Hai ngàn năm trăm hai mươi Kilogam) thân cây Bời lời tươi đã cắt khúc thành nhiều hình dạng kích thước khác nhau. Quá trình điều tra, xác định số thân cây “Bời Lời” trên các bị cáo Thái Văn N, A P cắt trộm tại rẫy anh A H, anh A B, anh A R và anh A D. Ngày 18/7/2024, các bị hại A H, A B, A R và A D có đơn yêu cầu được tự thỏa thuận phân chia tài sản. Ngày 18/7/2024, Công an xã Đ đã lập biên bản trả lại 2.520kg thân cây Bời lời tươi cho các bị hại A H, A B, A R và A D nên không xem xét.

Đối với 01 (một) cưa máy, 01 (một) con dao rựa mà các bị cáo Thái Văn N, A P sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội: Sau khi xếp các đoạn thân cây Bời lời lên thùng romooc, N và P để cưa máy và con dao rựa ở phía trên đồng cây Bời lời trên thùng romooc rồi N điều khiển xe máy kéo theo đường bê tông ra hướng thôn D, xã Đ với tốc độ nhanh đến khi bị Công an xã Đ chặn lại kiểm tra thì phát hiện cưa máy và con dao rựa đã bị rơi mất. Công an xã Đ tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại A H, A B, A R và A D đã nhận lại tài sản là số gỗ cây Bời lời bị cưa trộm để tự phân chia và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Thái Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo A P là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và bị cáo có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thái Văn N và A P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái Văn N 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo A P 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Thái Văn N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo A P được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/12/2024) các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA H.Đắk Hà;
- Trại TGCA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các bị cáo và các đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến